

## BÁO CÁO

### Thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 18 (cuối năm 2024), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh về việc thẩm tra các báo cáo và dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp cuối năm 2024, HĐND tỉnh khóa X.

Sau khi xem xét hồ sơ, nghiên cứu nội dung các dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách đã tổ chức làm việc trực tiếp với các đơn vị soạn thảo và tiến hành công tác thẩm tra theo quy định. Ngày 20/11/2024, Ban đã họp toàn thể các thành viên cùng với các đơn vị soạn thảo để thông qua các nội dung báo cáo thẩm tra của Ban trình tại kỳ họp. Ban kinh tế - ngân sách báo cáo HĐND tỉnh ý kiến thẩm tra các dự thảo nghị quyết, cụ thể như sau:

#### **1. Dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

##### **a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công quy định: “*Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương*”.

Ngày 17/10/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1200/QĐ-TTg bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn dự phòng trung ương, trong đó bổ sung cho tỉnh Bình Phước tổng số vốn 9.770 tỷ đồng để thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua tỉnh Bình Phước và dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

##### **b) Đối với nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết và đề nghị UBND tỉnh quan tâm các nội dung sau:

- Danh mục dự án xây dựng 18 phòng học Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Hưng, thị xã Chơn Thành với số vốn 19 tỷ 800 triệu đồng chưa đảm bảo các điều kiện được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Luật Đầu tư công<sup>1</sup>;

<sup>1</sup> Dự án chưa được trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án. Tại Công văn số 420/HĐND ngày 20/11/2024, Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về việc trình dự thảo nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng 18 phòng học Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Hưng, thị xã Chơn Thành không đảm bảo.



- Ban kinh tế - ngân sách nhất trí với việc giảm số vốn 507 tỷ đồng của các dự án như nội dung đề xuất của UBND tỉnh. Việc bố trí vốn lập quy hoạch, vốn ủy thác sang ngân hàng chính xã hội tỉnh là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công, khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội. Bên cạnh đó, đề nghị phân tích rõ căn cứ pháp lý, sự phù hợp với các điều kiện để bố trí vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công khi đề xuất bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với: (1) xây dựng trường Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng; (2) vốn đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (3) Vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất; (4) vốn Quỹ hỗ trợ Hội nông dân tỉnh<sup>2</sup>; đồng thời, cung cấp đầy đủ hồ sơ, văn bản thẩm định của cơ quan chuyên môn về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với từng danh mục đề xuất bổ sung bố trí vốn trung hạn, hàng năm.

c) Sau khi UBND tỉnh báo cáo giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **2. Dự thảo Nghị quyết thông qua Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025**

### **a) Thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Khoản 3 Điều 83 Luật Đầu tư công quy định: “*Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương*”. Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### **b) Đối với nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình. Sau khi UBND tỉnh giải trình, cung cấp đầy đủ hồ sơ về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của 01 dự án và 03 nhiệm vụ<sup>3</sup> như nội dung nêu ở trên, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **3. Dự thảo Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng**

### **a) Về thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Khoản 7 Điều 17 của Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý*”. Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng là đúng thẩm quyền.

<sup>2</sup> “việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hàng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương không phải lập danh mục chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công”.

<sup>3</sup> (1) xây dựng trường Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng; (2) vốn đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (3) Vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất; (4) vốn Quỹ hỗ trợ Hội nông dân tỉnh.



### **b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầy đủ theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chuyên môn rà soát vị trí dự án với nội dung quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023; phân tích về tính phù hợp của việc dự kiến nguồn vốn bố trí cho các năm (năm 2024 - 2025 chuẩn bị đầu tư, phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư, tuy nhiên dự kiến nguồn vốn bố trí cho 2 năm này là 50 tỷ; năm 2025 - 2027: thực hiện đầu tư nhưng dự kiến vốn bố trí là 40 tỷ đồng).

c) Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **4. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước**

### **a) Về thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó”*.

*“Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành”*.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh nghị quyết bãi bỏ các nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước là đúng thẩm quyền.

### **b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách có các ý kiến như sau:

- Theo nội dung Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh, các căn cứ pháp lý để xây dựng và ban hành Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước không còn phù hợp nên cần phải bãi bỏ các nghị quyết. Tuy nhiên, nội dung trên chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về các trường hợp bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật (khoản 1 Điều 167 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *“Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trái pháp luật thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tự mình bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản”*; Điều a khoản 1 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định: *“Bãi bỏ toàn bộ văn bản được áp dụng trong trường hợp đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn hoặc toàn bộ quy định của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn*



*cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế”). Đề nghị UBND tỉnh phân tích, làm rõ.*

- Luật Hợp tác xã, Nghị định số 113/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ<sup>4</sup> quy định về việc trình HĐND các cấp quyết định các chính sách hỗ trợ đối với Hợp tác xã trên địa bàn (quy định từ Điều 08 đến Điều 15 của Nghị định). Do đó, đề nghị UBND tỉnh phân tích, làm rõ việc không thể ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung thay thế các nghị quyết của HĐND tỉnh để phù hợp với các quy định mới của pháp luật. Trong đó cần phân tích cụ thể về tính phù hợp, không phù hợp của từng nội dung quy định chi tiết tại Nghị quyết của HĐND tỉnh với quy định của pháp luật hiện hành; đề xuất phương án xử lý;

- Cần đánh giá về ảnh hưởng của việc bãi bỏ nghị quyết đối với các chính sách có liên quan khác trên địa bàn tỉnh; phương thức xử lý chuyển tiếp đối với các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, ưu đãi về thuế và một số nội dung chính sách ưu đãi khác mà các tổ chức, đơn vị đã được hưởng trong thời gian qua;

- Tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành trong các trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ có liên quan chặt chẽ với nhau để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản mới được ban hành”*. Do đó, đề nghị UBND tỉnh phân tích về tính phù hợp khi xây dựng nội dung bãi bỏ Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước chung với nội dung bãi bỏ nghị quyết về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

- Đề nghị rà soát tên gọi của các dự thảo nghị quyết trình kỳ họp cuối năm 2024 của HĐND tỉnh để tránh trùng lặp vì tên gọi dự thảo nghị quyết theo Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 31/10/2024 và tên gọi dự thảo nghị quyết theo Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh đều là ***“Bãi bỏ các nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước”***.

c) Sau khi UBND tỉnh báo cáo giải trình, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **5. Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch tài chính 05 năm 2021 - 2025**

### **a) Sự cần thiết ban hành nghị quyết**

Ngày 31/3/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐND về kế hoạch tài chính 05 năm 2021 - 2025, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023, dự báo thực hiện năm 2024 và dự kiến năm 2025 tình hình thực hiện số thu ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là khoản thu tiền sử dụng đất (khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu nguồn

<sup>4</sup> Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.



thu của địa phương); cơ chế chi ngân sách còn bất cập, hạn chế trong công tác thực hiện các nội dung về kinh phí tiết kiệm chi,...

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm: “*Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm điều chỉnh kế hoạch*”.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch tài chính 5 năm 2021 - 2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### **b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết và đề nghị UBND tỉnh lưu ý việc thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh Kế hoạch tài chính 05 năm 2021 - 2025 đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, sớm xây dựng và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh kế hoạch tài chính 05 năm của giai đoạn sau theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ<sup>5</sup>.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, sau khi UBND tỉnh bổ sung các văn bản phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

### **6. Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước**

#### **a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết**

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh trên cơ sở pháp lý là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. Ngày 15/9/2024 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 114/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, do đó cơ sở pháp lý và một số nội dung tại 02 nghị quyết của HĐND tỉnh không còn phù hợp. Đồng thời, qua kết quả rà soát một số văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành cho thấy, một số nội dung của 02 nghị quyết nêu trên chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết nêu trên là cần thiết và đúng thẩm quyền.

<sup>5</sup> “Trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau”



### **b) Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung do UBND tỉnh trình và đề nghị quan tâm một số nội dung sau:

- Đề nghị điều chỉnh tên nghị quyết thành ***“Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước”*** cho phù hợp với thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh được quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Đối với tên gọi và nội dung quy định tại Điều 5 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết, đề nghị phân tích căn cứ pháp lý để xây dựng nội dung quy định ***“sửa chữa”*** vì Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ chỉ quy định về việc mua sắm;

- Danh mục tài sản mua sắm tập trung theo Điều 67 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, đề nghị điều chỉnh nội dung tại điểm a khoản 2 Điều 5 của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

Bên cạnh đó, khoản 49 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ không quy định cụ thể về danh mục tài sản mua sắm tập trung mà quy định thẩm quyền ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc ***“dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật”*** quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đề nghị UBND tỉnh rà soát và điều chỉnh nội dung quy định chi tiết, giúp nghị quyết khi được ban hành dễ thực hiện;

- Đối với nội dung phân cấp thẩm quyền quyết định tại Điều 5, Điều 9, Điều 10 của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: đề nghị có báo cáo phân tích, so sánh đối chiếu về tính phù hợp của các nguyên tắc phân cấp với các quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực tiễn. Đồng thời chịu trách nhiệm về tính phù hợp với các quy định của pháp luật trong việc trình HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định các nội dung của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết;

- Điều chỉnh nội dung tại khoản 1 Điều 16 như sau: ***“Đối với tài sản công đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý; hàng hóa, dịch vụ theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước nhưng chưa được phê duyệt tại thời điểm Nghị quyết này đã có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này”***. Đồng thời, xem xét đưa ra khỏi quy định nội dung tại khoản 2 Điều này.

**c) Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.**



## 7. Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Phước

### a) Về thẩm quyền ban hành nghị quyết

Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: *“Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”*.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Phước là đúng thẩm quyền.

### b) Về hồ sơ, trình tự xây dựng dự thảo nghị quyết

Hồ sơ, trình tự xây dựng dự thảo nghị quyết được thực hiện cơ bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật. Ngày 24/10/2024, Sở Tài chính đã gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với nội dung dự thảo nghị quyết; tuy nhiên, thời gian đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh chưa đảm bảo<sup>6</sup>.

### c) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình và đề nghị quan tâm các nội dung sau:

- Đề nghị rà soát đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các đối tượng quy định tại Nghị định số 45/2012 ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Nội dung tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết đang quy định lại toàn bộ nội dung và mức chi tại Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc quy định mức chi áp dụng theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội mà không quy định cụ thể về Điều, khoản áp dụng sẽ gây khó khăn trong việc áp dụng thực hiện và chưa đảm bảo nguyên tắc ***“dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật”*** quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Cũng theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: ***“Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”***. Do đó, đề nghị rà soát, phân tích và xây

<sup>6</sup> Theo quy định tại Khoản 2 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: *“Dự thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh phải được, thành phố trực thuộc trung ương trong thời hạn ít nhất 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến”*



dụng nội dung quy định tại Điều 4 của dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và gắn với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát nội dung tại khoản 2 Điều 4 của dự thảo nghị quyết vì Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nội dung và mức hỗ trợ không quy định **mức chi**;

- Đề nghị phân tích về tính phù hợp của các nội dung quy định tại Điều 5 với tình hình thực tế của địa phương và các nội dung quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Về thể thức trình bày của nghị quyết: đề nghị điều chỉnh tách riêng phần nội dung dự thảo nghị quyết và phần quy định kèm theo để đảm bảo phù hợp với mẫu số 17, phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

d) Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **8. Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### **a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương*”.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### **b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung do UBND tỉnh trình và đề nghị quan tâm các nội dung sau:

- Đề nghị bổ sung “*Điều 10*” trước “*Thông tư số 75/2019/TT-BTC...*” tại phần căn cứ của dự thảo nghị quyết để phù hợp với quy định tại các Nghị định về hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Đề nghị điều chỉnh tên nghị quyết thành “***Nghị quyết ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước***” để phù hợp với Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, điều chỉnh nội dung Điều 1 của dự thảo nghị quyết và Quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết phù hợp với tên gọi của dự thảo nghị quyết;

- Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: “***văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp***



luật khác”; khoản 1 Điều 27 của Luật quy định: “*HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”. Do đó, đề nghị rà soát các nội dung chi, mức hỗ trợ quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết, tránh quy định lại các nội dung đã quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông, Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông tại nội dung quy định kèm theo dự thảo nghị quyết được xây dựng theo **mức chi tối đa** tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và văn bản khác có liên quan. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo, đánh giá về sự phù hợp với nguồn lực, khả năng cân đối ngân sách của địa phương để thực hiện chính sách khi được ban hành;

- Rà soát nội dung quy định tại Chương II của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết tránh quy định lại các nội dung quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 về Quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước (như: mức hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn quy định tại khoản 1 Điều 5 và nội dung quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019). Đồng thời, chịu trách nhiệm đối với việc rà soát, đề xuất xây dựng các **nội dung chi, mức** hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương;

- Đề nghị UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh quy định chi cụ thể tại điểm a khoản 1 Điều 4 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết vì khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung*”;

- Điều 8 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh quy định về “**nội dung chi tổ chức hội nghị**” không quy định về **mức chi**. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh rà soát nội dung quy định mức chi theo Điều 8 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh tại khoản 3 Điều 3, khoản 2 Điều 4 của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết;

- Đề nghị rà soát, điều chỉnh nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết, vì Thông tư số 194/2012/BTC ngày 08/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nội dung, mức chi tạo lập thông tin điện tử (quy định chi nhập dữ liệu; chi tạo lập các trang siêu văn bản; Chi tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn; Chi số hóa thông tin). Do đó, việc áp dụng mức chi tại thông tư nêu trên để quy định mức chi nhuận bút cho tác phẩm đăng trên bản tin khuyến nông là chưa phù hợp;

- Đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo quy định và bổ sung cụm từ “*quy định ban hành kèm theo*” trước cụm từ: “*Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước*”;



- Đề nghị rà soát, đưa ra khỏi dự thảo quy định đối với nội dung tại khoản 1, 2 Điều 6 vì chưa quy định cụ thể về nội dung và mức hỗ trợ đối với chi tư vấn. Đề nghị phân tích rõ mức chi tư vấn theo nội dung mức chi cụ thể nào tại Điều 3, Điều 4 của dự thảo quy định;

- Tại Điều 9 và Điều 10 quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, đề nghị sửa thành 1 Điều (Điều khoản thi hành) gồm 2 khoản cho thống nhất, phù hợp với tên các Điều trong quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

c) Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**9. Dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước**

**a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Theo quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác*”

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

**b) Nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo nội dung tờ trình của UBND tỉnh. Hồ sơ của dự án chuyển đổi mục đích rừng trình HĐND tỉnh cơ bản theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. Dự án đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phê duyệt đủ điều kiện trình HĐND tỉnh phê duyệt chuyển mục đích rừng sang mục đích khác tại Báo cáo số 372/BC-SNN-KL ngày 18/11/2024. Dự án đề nghị chuyển mục đích rừng tự nhiên phù hợp với tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ<sup>7</sup>; đồng thời tại nội dung Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 19/11/2024, UBND tỉnh đã xác nhận là dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên không thể bố trí diện tích đất khác. UBND tỉnh chịu trách nhiệm trong việc rà soát, đề xuất diện tích, loại rừng, phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác để thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo về nội dung, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

<sup>7</sup> “Dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (dự án về giao thông, thủy lợi; dự án hồ nước ngọt, dự án xử lý rác thải trên các đảo)”;



**10. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 về thành lập 05 Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về bổ sung thành lập 02 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2020 trong Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh**

**a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết**

HĐND tỉnh khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 thành lập 07 Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện nội dung các nghị quyết và rà soát cho thấy việc thành lập các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh chưa phù hợp với một số quy định của pháp luật hiện hành (Luật Công nghệ cao; Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ)<sup>8</sup>.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 về thành lập 05 Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về bổ sung thành lập 02 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2020 trong Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

**b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết và đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**11. Dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025, hủy danh mục các dự án không thực hiện và danh mục các dự án thu hồi đất quá 02 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “*Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này*”. Do đó, việc trình HĐND tỉnh nghị quyết thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

<sup>8</sup> Theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: “*Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trái pháp luật thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tự mình bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản*”.



### **b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách có một số ý kiến như sau:

\* Đối với danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2025:

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với danh mục dự án thu hồi đất chuyển tiếp tại phụ lục 1.1 và phụ lục 1.2 kèm theo dự thảo nghị quyết và đề nghị UBND tỉnh quan tâm các nội dung sau:

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục thực hiện việc rà soát tính phù hợp của các danh mục đề xuất với các trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai năm 2024, phù hợp các quy định của pháp luật về quy hoạch, về đầu tư; đồng thời, chịu trách nhiệm trong việc thẩm định đề xuất danh mục dự án, số vốn, diện tích thu hồi, loại đất và các căn cứ pháp lý đề xuất xây dựng;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức rà soát và phối hợp với Tổng công ty điện lực miền Nam trong việc đề xuất diện tích, vị trí thu hồi đất của các dự án trạm, đường dây điện;

- Tại phụ lục 1.2 (danh mục đăng ký mới):

+ Đề nghị đưa ra khỏi danh mục dự án đối với các danh mục dự án trên địa bàn thị xã Bình Long<sup>9</sup>, Hớn Quản<sup>10</sup>, Đồng Phú<sup>11</sup> chưa cung cấp được nguồn vốn bố trí đầu tư dự án;

+ Đối với danh mục dự án Trạm biến áp 110kV Sikico và nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Sikico, dự án Đầu tư xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp và hệ thống cấp nước thô phục vụ vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico: đề nghị, phân tích về tính phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh khi đề xuất danh mục. Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nội dung quy hoạch tổng thể Khu và Vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 không có nội dung vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như đã nêu ở trên. Do đó, đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hớn Quản rà soát về tính phù hợp với các nội dung quy hoạch hiện hữu và chịu trách nhiệm trong việc thẩm định đề xuất danh mục dự án đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai, quy hoạch và đầu tư;

+ Đối với danh mục dự án Quy hoạch mỏ đất san lấp phục vụ làm vật liệu phục vụ Dự án đường cao tốc và dự án Quy hoạch mỏ đá xây dựng phục vụ làm vật liệu phục vụ Dự án đường cao tốc tại huyện Bù Đăng: đề nghị phân tích tính phù hợp của việc đề xuất danh mục dự án với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế

<sup>9</sup> (1) Dự án xây dựng đường giao thông bao quanh vùng đệm nhà máy Xi măng BP; (2) Công trình mở rộng suối, xây dựng kè và đường sỏi dỏ hai bên suối An Lộc (đoạn từ Đoàn Thị Điểm đến Phan Bội Châu); (3) Nâng cấp mở rộng đường giáp ranh phường Phú Đức - xã Tân Lợi - xã Thanh Bình; (4) Nâng cấp, mở rộng đường PĐ T12 (đoạn từ đường rầy xe lửa đến PĐ T12) phường Phú Đức.

<sup>10</sup> (1) Tuyến đường liên tổ 1, tổ 2, tổ 5 ấp Đông Phát; (2) Tuyến đường liên tổ 3, tổ 4 ấp Đông Phát; (3) Trạm biến áp 110kV Sikico và nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Sikico.

<sup>11</sup> (1) Khu nhà ở xã hội Tân Lập; (2) Dự án khu dân cư ấp 3, xã Đồng Tâm; (3) Đường Tổ 29 nối dài tổ 31 ấp Chợ,...



biển và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ.

\* Đối với danh mục các công trình, dự án quá 02 năm chưa thực hiện và các danh mục công trình, dự án không thực hiện đưa ra khỏi nghị quyết:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai quy định: *“Diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện phải xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện”*. Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh danh mục các công trình, dự án quá 02 năm chưa thực hiện và các danh mục công trình, dự án không thực hiện đưa ra khỏi nghị quyết tại phụ lục 1.3 kèm theo dự thảo Nghị quyết là chưa phù hợp. Đề nghị UBND tỉnh rà soát các căn cứ quy định của pháp luật về đất đai và trình HĐND tỉnh các nội dung đúng theo thẩm quyền; đồng thời điều chỉnh tên gọi và nội dung của Điều 1 dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp.

c) Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **12. Dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025**

### **a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết**

Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024 quy định: *“Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác sau khi có Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh và đáp ứng các căn cứ quy định tại Điều 116 của Luật này”*. Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai quy định: *“Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất quy định tại khoản 1 Điều này”*.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025 là đúng thẩm quyền.

### **b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với danh mục các trường hợp chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh trình và có ý kiến như sau:



- Đối với các danh mục đăng ký mới: đề nghị phân tích làm rõ về tính phù hợp khi đề xuất danh mục dự án với quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai năm 2024, trong đó cần nêu rõ căn cứ đề phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; căn cứ đề phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư. Đồng thời, UBND tỉnh chịu trách nhiệm trong việc thẩm định, đề xuất danh mục dự án chuyển mục đích đất lúa trình HĐND tỉnh đảm bảo phù hợp theo đúng quy định;

- Việc lấy Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh là căn cứ pháp lý đề xuất danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2025 tại phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết là chưa phù hợp vì Nghị quyết thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất tỉnh Bình Phước năm 2025 sau khi được ban hành sẽ thay thế Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; nghị quyết này sau khi được ban hành sẽ thay thế Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh. Đề nghị UBND rà soát các danh mục dự án có căn cứ pháp lý nêu trên;

- Đề nghị cân nhắc, rà soát kỹ về tính phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành khi đề xuất danh mục dự án khai thác, chế biến đá xây dựng với diện tích 0,66 ha trên địa bàn huyện Lộc Ninh.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh dự thảo nghị quyết phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

### **13. Dự thảo Nghị quyết phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại - Dân cư) thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Hoa Lư**

#### **a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết**

Khoản 9 Điều 28 Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 quy định: “Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt”

Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại - Dân cư) thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Hoa Lư là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### **b) Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh quan tâm các nội dung sau:

- Rà soát, đưa ra khỏi căn cứ pháp lý đối với các nội dung: Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 11/7/2019; Công văn số 950/UBND-KT ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh;

- Đề nghị điều chỉnh nội dung tiêu đề Điều 1 dự thảo nghị quyết thành: “Điều 1. Thông qua đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại - Dân cư) thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Hoa Lư với các nội dung sau.”;



- Đề nghị UBND tỉnh cung cấp đầy đủ hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Đồng thời, chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, chịu trách nhiệm trong việc thẩm định, đề xuất sự phù hợp của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng hỗn hợp (Dịch vụ - Thương mại - Dân cư) thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Hoa Lư với nội dung quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư tại Quyết định số 61/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phân tích, so sánh, đối chiếu các nội dung quy hoạch xây dựng với định hướng và chỉ tiêu tại quy hoạch đã được phê duyệt; nêu rõ về định hướng phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật; xác định chỉ giới xây dựng công trình trên các trục đường trong khu vực lập quy hoạch.

- Đề xuất giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng phân khu chức năng, từng ô phố, trục đường chính, khu vực không gian mở, không gian công cộng, khu vực điểm nhấn, khu vực bảo tồn trong khu quy hoạch.

c) Sau khi UBND tỉnh cung cấp đầy đủ hồ sơ; giải trình và điều chỉnh nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách đối với các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp thứ 18 (cuối năm 2024) của HĐND tỉnh. Ban kinh tế - ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận: *Ban*

- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KT-NS HĐND TỈNH**  
**TRƯỞNG BAN**

  
*Huỳnh Hữu Thiết*